

LƯU Ý TỪ GIẢNG VIÊN CHO **CFA1.2024- FSA**
(VUI LÒNG ĐỌC TRƯỚC KHI HỌC)

1. THAY ĐỔI SO VỚI NĂM 2023:

- FSA là 1 trong 3 môn (FSA, Quant, Econ) mà CFA soạn sách riêng cho phần phải học thi và phần Pre-requisite (là phần kiến thức cơ bản phải biết). Tuy CFA nói là không cho câu hỏi thi vào những phần Pre-requisite, nhưng đã là kiến thức cơ bản thì hoàn toàn có thể bị hỏi, không trực tiếp thì gián tiếp. Nên **VẪN PHẢI HỌC THÔI! ĐỪNG BỎ QUA!**
- Các chương- Readings giờ được gọi là Learning Modules (LM).
- Trừ LM12- Financial Statement Modeling ở video FRA.26 (được đưa từ level 2 xuống) là cần phải học mới, thì kiến thức giữ nguyên 99% so với năm 2023 (sau khi gộp cả phần pre-requisite). Những bổ sung nho nhỏ của năm 2024 chiếm khoảng 1%, là các videos ngắn in chữ màu xanh trong bảng phía dưới.
- Chú ý các videos bổ sung chữ màu xanh đã được ghép vào video chính. Ví dụ video FRA.01a đã được ghép vào video FRA.01. Nên các bạn nào học mới thì chỉ cần xem các videos chính như FRA.01 là đủ, không cần xem các videos bổ sung như FRA.01a. Các videos bổ sung tách riêng là để tiện lợi cho các bạn đã học từ trước theo video cũ, chỉ muốn xem riêng các phần thay đổi bổ sung.

2. NỘI DUNG CÁC VIDEOS

Video số	Nội dung và đánh số LM trong curriculum	Số Reading trên video	From time	To time
FRA.01a	New intro (Phần giới thiệu mới về cấu trúc môn học, bao gồm phần pre-requisite, kể từ 2024)			
FRA.01	Giới thiệu tổng quan môn học		00.00.00	00.20.00
	LM1. FSA Intro	21	00.20.00	01.42.00
FRA.02	LM1. FSA Intro (tiếp)	21	00.00.00	01.30.25
FRA.02a	LOS e: Info sources	LM2		
FRA.03	LM1. FSA Intro (tiếp) (Lưu ý một số LOS để tới cuối môn học mới hiệu quả)	22	00.00.00	00.18.00
	LM2. Income statement (pre-requisite, expense recognition)	23	00.18.00	01.34.00
FRA.04	LM2. Income statement (tiếp) (Revenue recognition)	23	00.00.00	01.35.00
FRA.04a	Rev recognition- other examples (franchise, software, bill & hold)			

Video số	Nội dung và đánh số LM trong curriculum	Số Reading trên video	From time	To time
FRA.05	LM2. Income statement (tiếp) (Non-recurring items, EPS (từ phút 00.35.30))	23	00.00.00	01.05.00
FRA.05a	Scope & FX			
FRA.06	LM2. Income statement (tiếp EPS)	23	00.00.00	00.53.00
FRA.06a	EPS- If converted method			
FRA.07	LM2. Income statement (tiếp) (OCI)	23	00.00.00	00.45.43
	LM3. Balance sheet	24	00.45.43	01.35.00
FRA.08	LM3. Balance sheet (tiếp)	24	00.00.00	01.09.00
	Chữa bài tập		01.09.00	01.24.00
FRA.09	LM4&5. Cashflow statement	25	00.00.00	01.30.00
FRA.10	LM4&5. Cashflow statement (tiếp)	25	00.00.00	01.42.00
FRA.11	LM4&5. Cashflow statement (tiếp) + chữa bài tập	25	00.00.00	00.21.50
	LM4&5. Cashflow statement (tiếp)- Free CF	25	00.21.50	00.50.15
	LM11. Analysis techniques	26	00.50.15	01.32.53
FRA.12	LM11. Analysis techniques (tiếp)	26	00.00.00	01.42.00
FRA.13	LM6. Inventories	27	00.00.00	01.47.00
FRA.14	LM6. Inventories (tiếp)	27	00.00.00	01.19.00
FRA.15	LM7. LT assets	28	00.00.00	01.35.00
FRA.16	LM7. LT assets (tiếp R&D và chuyển sang trang 2)	28	00.00.00	01.46.00
FRA.17	LM7. LT assets (tiếp Cost/Revaluation model...)	28	00.00.00	01.08.05
	LM9. Income Taxes	29	01.08.05	01.32.00
FRA.18	LM9. Income Taxes (tiếp)	29	00.00.00	01.46.00
FRA.19	LM9. Income Taxes (tiếp)	29	00.00.00	01.40.20
FRA.20	LM9. Income Taxes (tiếp)	29	00.00.00	00.25.52
	LM8. LT Liab (mục bond)	30	00.25.52	01.28.46
FRA.21	LM9. Income Taxes (<i>bonus video</i>) (chữa bài tập tax reconciliation)	29	00.00.00	00.30.00
FRA.22	LM8. LT Liab (tiếp mục bond)	30	00.00.00	00.24.35
	LM8. LT Liab (tiếp) (mục lease)	30	00.24.35	01.40.00
FRA.23	LM8. LT Liab (tiếp) (leverage & coverage ratios)	30	00.00.00	
	LM11. Analysis techniques (tiếp) fixed-charge coverage)	26		00.05.10
	LM4&5. Cashflow statement (tiếp) (Phần còn lại: CF ratios)	25	00.05.10	00.21.10
	LM1. FSA Intro (LOS: Steps)	21	00.21.10	00.26.30
	LM1. FSA Intro (tiếp) (Pages 4&5)	22	00.26.30	00.46.45

Video số	Nội dung và đánh số LM trong curriculum	Số Reading trên video	From time	To time
FRA.24	LM10. FR Quality	31	00.00.00	01.36.10
FRA.25	LM13. Pre-requisite FSA applications	32	00.00.00	00.09.00
	LM8. LT Liab (tiếp) (mục pension)	30	00.09.00	01.05.00
FRA.25a	Share based compensation (chuyển từ level 2)			
FRA.26	LM12. FS Modeling (chuyển từ level 2)			
FRA27-32 (Revision)	Chú ý một số bài tập chứa trong revision có thể đã cũ (như bài Inventory). Một số nội dung không có trong video review có thể xem trong các videos lẻ			